TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **228**/2018/**LĐ**-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hồng.

Ông Mai Ngọc Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án **của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hà* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2018/TLST - LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về "tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 610/2018/QĐXXST-LĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2018/QĐST-LĐ ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kiều D**,** sinh năm 1978; thường trú: 443/9E Chiến L, phường T, quận B, Thành phố H (*có mặt).*

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn S; địa chỉ trụ sở: 95 Lê Đình C, phường T, quận B, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 06/4/2018, bản tự khai ngày 20/9/2018 và các biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Kiều D vào làm việc tại Công ty TNHH S (sau đây gọi là Công ty) từ ngày 17/5/2005 nhưng đến tháng 02/2007, Công ty chính thức ký hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng là 01 năm. Đến ngày 01/02/2008, Công ty và bà thỏa thuận ký hợp đồng không xác định thời hạn, hợp đồng có các nội dung: công việc phải làm: may nón; mức lương 1.070.000đ/tháng (chưa bao gồm các khoản phụ cấp khác); hình thức trả lương theo tháng; chế độ nâng lương: tùy vào năng lực của cá nhân. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, theo hộ khẩu bà lấy tên là Lê Thị D.

Tuy nhiên, đến ngày 17/6/2013, khi đi trích lục khai sinh trong hộ tịch thì bà mới biết tên bà trong hộ tịch là Lê Kiều D, sinh ngày 18/5/1978. Do đó, bà có làm đơn lập ngày 24/9/2018 do Công an xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xác nhận cho bà tên Lê Thị D và Lê Kiều D cùng là một người. Bà xin bổ sung bản sao đơn xác nhận cùng với bản sao giấy khai sinh, chứng minh nhân dân và hộ khẩu mang tên là Lê Kiều D để Tòa án xem xét.

Trong quá trình bà làm việc tại Công ty đến khi bà xin nghỉ việc ngày 17/9/2017 thì Công ty vẫn còn nợ tiền lương và phụ cấp khác, tính từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2017 theo phiếu tổng lương và phiếu tính lương cho công nhân: tháng 1/2017 là 11.179.000đ cộng với tiền lương và phụ cấp Công ty còn nợ trước đó 11.963.842đ, tổng cộng là 23.116.684, sau khi đã trừ đi tạm ứng thì Công ty còn nợ tiền lương tháng 01/2017 là 6.216.000đ; tháng 02/2017 là 10.763.000đ; tháng 3/2017 là 10.581.000đ; tháng 4/2017 là 8.957.000đ; tháng 5/2017 là 8.238.000đ và tiền lương tháng 6/2017 là 5.809.842đ, tháng 7 và tháng 8/2017 thì con trai bà bệnh nên bà xin nghỉ không hưởng lương, riêng tiền lương tháng 9/2017 thì bà đã nhận rồi. Ngày 23/9/2017, khi bà đến làm việc với đại diện Công ty sau khi trừ đi tiền bà đã xin tạm ứng thì số tiền lương Công ty còn nợ bà là 34.584.842đ và tiền thâm niên là 32.500.000đ.

Theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu Công ty phải trả tiền lương là 34.584.842đ và tiền thâm niên là 32.500.000đ theo bảng xác nhận nợ lương của đại diện Công ty lập ngày 23/9/2017 nhưng trong quá trình giải quyết bà xin rút lại yêu cầu đòi tiền thâm niên theo đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện gửi ngày 20/9/2018. Bà xác định chỉ yêu cầu Công ty trả tiền lương và các phụ cấp khác còn nợ là 34.584.842đ thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là Công ty TNHH S vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc, hòa giải nên không có ý kiến trình bày.

Căn cứ kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân quận Bình Tân tại Sở kế hoạch đầu từ thành phố Hồ Chí Minh thì "Công ty TNHH S chưa đăng ký giải thể". Ngoài ra, kết quả xác minh tại Công an phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận "Công ty TNHH S không hoạt động tại 95 Lê Đình C, phường T, quận B, Thành phố H từ tháng 3/2018".

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty TNHH S trả tiền lương và phụ cấp khác là 34.584.842đ và không có yêu cầu nào khác, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét

xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lê Kiều D khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S trả tiền lương, đây là tranh chấp về lao động cá nhân giữa người lao động và người sử dụng lao động; bị đơn có trụ sở hoạt động tại quận Bình Tân. Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Về điều kiện khởi kiện: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn có tranh chấp về tiền lương, căn cứ theo Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định một số loại việc tranh chấp bắt buộc phải qua hòa giải cơ sở. Do đó, căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động lập ngày 03/4/2018 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì việc khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định nên nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

Về thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự: Công ty TNHH S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu Công ty có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc tranh chấp về tiền lương giữa bà D và Công ty nhưng Công ty vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố dụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bảng hợp đồng lao động, giấy xác nhận của Công an xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, bản sao giấy khai sinh, chứng minh nhân dân và hộ khẩu thì có căn cứ xác định tên Lê Thị D và Lê Kiều D cùng là một người.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị bị đơn trả tiền lương là 34.584.842đ và tiền thâm niên là 32.500.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, nguyên đơn xin rút yêu cầu trả tiền thâm niên theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 20/9/2018. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lương từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2017 là 34.584.842đ; kèm theo yêu cầu nguyên đơn nộp cho Tòa án bản Hợp đồng lao động năm 2008, được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn có các nội dung như đã nêu trên. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án bảng tổng lương lập ngày 03/7/2017; các phiếu tính lương từ tháng 01/2017

đến tháng 5/2017 và xác nhận nợ tiền lương của đại diện Công ty TNHH S lập ngày 23/9/2017.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2012 quy định: "*Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên; trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày*".

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào bản hợp đồng lao động lập ngày 01/02/2008 giữa bà Lê Kiều D và Công ty TNHH S thì giữa Công ty và bà D thực tế có quan hệ lao động, về phía nguyên đơn đã hoàn thành công việc theo như hợp đồng; về phía bị đơn thì thực hiện nghĩa vụ trả lương nhưng căn cứ vào bảng xác nhận nợ lương ngày 23/9/2017 của đại diện Công ty thì Công ty còn nợ tiền lương nguyên đơn là 34.854.842đ (Ba mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa để xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh hay phản bác ý kiến của nguyên đơn, tính từ ngày xác nhận nợ tiền lương là ngày 23/9/2017 đến nay, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn điều này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Do đó, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí lao động sơ thẩm: Án phí có giá ngạch nên bị đơn phải chịu án phí 1.045.645đ (Một triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; 217, 227, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 47, 90, 96 của Bộ luật lao động 2012;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kiều D đối với Công ty TNHH S.

1. Buộc Công ty TNHH S phải thanh toán tiền lương cho bà Lê Kiều D thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2017 với số tiền là 34.854.842đ (Ba mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì người bị thi hành án còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi người bị thi hành án mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền thâm niên của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự: Công ty TNHH S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.045.645đ (Một triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Yến